

Số: 21 /GPMT-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 13 tháng 5 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thành lập Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy Chế xuất Billion Max Việt Nam của Công ty TNHH Chế xuất Billion Max Việt Nam;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 4308031033, chứng nhận lần đầu ngày 27 tháng 5 năm 2019, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 02 ngày 05 tháng 5 năm 2021 do Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp cấp cho Công ty TNHH Chế xuất Billion Max Việt Nam để thực hiện dự án Nhà máy Chế xuất Billion Max Việt Nam;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Chế xuất Billion Max Việt Nam về việc cấp Giấy phép môi trường cho cơ sở Nhà máy Chế xuất Billion Max Việt Nam tại Văn bản số 0315/DMH-KT ngày 01 tháng 4 năm 2024 (Kèm theo hồ sơ sau khi đã hoàn thiện);

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh tại Tờ trình số 875/TTr-KKTCN ngày 10 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Chế xuất Billion Max Việt Nam, địa chỉ Khu công nghiệp và Khu phi thuế quan Sài Gòn - Chân Mây, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy Chế xuất Billion Max Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy Chế xuất Billion Max Việt Nam.

1.2. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Chế xuất Billion Max Việt Nam.

1.3. Địa điểm hoạt động: Một phần lô CII-12 và một phần lô CII-3 thuộc KCN và Khu phi thuế quan Sài Gòn - Chân Mây, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Nhà máy Chế xuất Billion Max Việt Nam mã số 4308031033, chứng nhận lần đầu ngày 27 tháng 5 năm 2019, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 02 ngày 05 tháng 5 năm 2021.

1.5. Mã số thuế: 3301650769.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất đồ chơi bằng nhựa, sản phẩm cho trẻ sơ sinh (*máy hút sữa, máy hâm sữa, máy tiệt trùng*), sản phẩm giám sát/báo động, thiết bị âm thanh và đèn cảnh quan ngoài trời (không sản xuất đèn chiếu sáng bằng sợi đốt).

1.7. Quy mô, công suất

- Quy mô công suất: 20.000.000 sản phẩm/năm.

+ Giai đoạn 1: 7.000.000 sản phẩm/năm;

+ Giai đoạn 2: 13.000.000 sản phẩm/năm.

- Diện tích thuê lại đất: 12,89 ha (*thuê lại đất và nhà xưởng của Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Huế*).

+ Giai đoạn 1: Thuê 03 nhà xưởng xây dựng sẵn tại lô CII-12 diện tích 2,73ha;

+ Giai đoạn 2: Một phần lô CII-3, diện tích 8ha;

+ Giai đoạn 3: Một phần lô CII-3, diện tích 2,16ha.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý và đấu nối nước thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Chế xuất Billion Max Việt Nam có trách nhiệm sau

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và PCT UBND tỉnh Phan Quý Phương;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Phú Lộc;
- Công ty TNHH Chế xuất Billion Max Việt Nam;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn – Huế;
- Công Thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 21 /GPMT-UBND
ngày 13 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Tổng số nguồn phát sinh khí thải là 02, trong đó:

1.1. Nguồn số 01: Bụi sơn, dung môi hữu cơ phát sinh từ công đoạn sơn;

1.2. Nguồn số 02: Hơi dung môi hữu cơ phát sinh từ công đoạn in pad.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

Bụi và khí thải phát sinh sau xử lý xả vào môi trường không khí từ 01 dòng khí thải.

2.1. Vị trí xả khí thải

STT	Vị trí xả thải	Tọa độ xả thải dự kiến (Hệ VN-2000, KTT 107 ⁰ , múi chiều 3 ⁰)		Phương thức xả thải
		X (m)	Y (m)	
1	Tại miệng ống thải của hệ thống xử lý khí thải	1.803.621	606.843	Cưỡng bức; gián đoạn

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Khoảng 9.500m³/giờ.

2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu theo QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (*giá trị C_{max}, cột B, hệ số K_p=1,0 và K_v=1,0*) và QCVN 20: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

- Bụi, khí thải từ công đoạn sơn được thu gom bằng 28 chụp hút tại 28 buồng sơn, quạt hút, đường ống chính, hệ thống xử lý khí thải;

- Khí thải từ công đoạn in pad được thu gom bằng 19 chụp hút tại 19 máy in pad, quạt hút, đường ống chính, hệ thống xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ của hệ thống xử lý khí thải: Hệ thống xử lý khí thải gồm 02 bộ phận chính là tháp phun sương và tháp hấp thụ. Khí thải sau khi theo mạng lưới thu gom được dẫn về tháp phun sương; tại đây nước được bơm từ bể chứa lên đỉnh tháp và phun dưới dạng sương từ phía trên xuống, khí thải được cấp vào theo hướng từ dưới lên nhằm làm tăng diện tích tiếp xúc giữa pha khí và pha lỏng; nước sau phun sương được thu về bể chứa, tại đây nước được tuần hoàn lên tháp phun sương, còn cặn ở dưới đáy được định kỳ thu gom, xử lý. Sau khi xử lý qua tháp phun sương dòng khí tiếp tục được dẫn sang tháp hấp thụ; tại đây, dung dịch NaOH được bơm từ bể chứa lên đỉnh tháp và phun dưới dạng sương từ phía trên xuống, khí thải được cấp vào theo hướng từ dưới lên nhằm làm tăng diện tích tiếp xúc giữa pha khí và pha lỏng, khí thải được xử lý nhờ quá trình xử lý bằng dung dịch NaOH. Khí thải tiếp tục được đẩy vào ống thải và thải ra ngoài môi trường có giá trị nằm trong giới hạn của QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (giá trị C_{max} , cột B, $K_p=1,0$ và $K_v=1,0$) và QCVN 20: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Công suất thiết kế: Chủ cơ sở đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải với công suất 10.000 m³/giờ.

- Hóa chất sử dụng: Dung dịch NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật, hướng dẫn của nhà cung cấp;

- Tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc theo đúng định kỳ, hướng dẫn của nhà cung cấp;

- Có cán bộ, công nhân thường xuyên theo dõi hệ thống để kịp thời phát hiện các sự cố xảy ra như: hỏng hóc máy móc, khí thải xử lý chưa đảm bảo chất lượng theo yêu cầu, ...; bố trí nhân viên kiểm tra hệ thống xử lý khí thải, đường ống dẫn khí tại mỗi ca làm việc;

- Khi có sự cố về hệ thống xử lý khí thải, tạm thời dừng hệ thống và dừng các hoạt động sản xuất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Vị trí lấy mẫu:

Tại miệng ống thải của hệ thống xử lý khí thải.

- Giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm: Đạt QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (giá trị C_{max} , cột B, hệ số $K_p=1,0$, $K_v=1,0$) và đạt QCVN 20: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ. Các chỉ tiêu, thông số ô nhiễm khí thải phải quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm theo Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

- Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần (03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp, trường hợp bất khả kháng phải thực hiện đo đạc vào ngày tiếp theo).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ VÀ ĐÁU NỐI NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 21 /GPMT-UBND
ngày 13 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. THÔNG TIN VỀ NƯỚC THẢI CỦA CƠ SỞ

1. Các nguồn phát sinh nước thải, trong đó:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt CBCNV của Nhà máy giai đoạn 1;
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt CBCNV của Nhà máy giai đoạn 2, 3;
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ nhà ăn của Nhà máy giai đoạn 2, 3;
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của Nhà máy giai đoạn 2, 3.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn nước tiếp nhận

Toàn bộ nước thải sau khi được xử lý sơ bộ tại giai đoạn 1 và giai đoạn 2, 3 của cơ sở được đấu nối vào Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp và Khu phi thuế quan Sài Gòn - Huế; dẫn về xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp và Khu phi thuế quan, công suất 4.900 m³/ngày.đêm đạt quy định trước khi thải ra môi trường.

2.2. Dòng nước thải: 02 dòng nước thải từ 02 Nhà máy của cơ sở

- Dòng nước thải số 1: Dòng nước thải sau xử lý sơ bộ của Nhà máy giai đoạn 1;
- Dòng nước thải số 02: Dòng nước thải sau xử lý sơ bộ của Nhà máy giai đoạn 2, 3.

2.3. Vị trí xả nước thải

- Vị trí đấu nối nước thải của Nhà máy giai đoạn 1 vào Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp và Khu phi thuế quan Sài Gòn - Huế.

Tọa độ vị trí đấu nối nước thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiếu 3⁰): X = 1.801.391,49 (m); Y = 607.093,87 (m).

- Vị trí đấu nối nước thải của Nhà máy giai đoạn 2, 3 vào Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp và Khu phi thuế quan Sài Gòn - Huế.

Tọa độ vị trí đấu nối nước thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiếu 3⁰): X = 1.803.615,80 (m); Y = 607.033,40 (m).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 286 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả ngầm.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải khi đầu nối vào Hệ thống thu gom nước thải của KCN và Khu phi thuế quan

Gồm 33 thông số theo QCVN 40: 2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp phải đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp và Khu phi thuế quan công suất 4.900 m³/ngày.đêm do Trung tâm Quản lý, khai thác hạ tầng Khu kinh tế, công nghiệp quản lý, vận hành theo Hợp đồng dịch vụ thoát nước thải số 03/HĐTNT-TTQLHT ngày 02/8/2021.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ VÀ ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI

1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt (*trong đó nước thải vệ sinh được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn, nước thải nhà ăn được xử lý qua bể tách dầu mỡ*), nước thải từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom bằng các đường ống dẫn về mương thu gom của Nhà máy trước khi đầu nối vào Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN và Khu phi thuế quan.

2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Chủ cơ sở đã xây dựng 28 bể tự hoại (*trong đó giai đoạn 1: 08 bể; giai đoạn 2, 3: 20 bể*) có kết cấu bằng bê tông, cốt thép chống thấm với thể tích mỗi bể là 10,8m³. Tóm tắt quy trình xử lý như sau: Bể tự hoại là công trình thực hiện 2 chức năng: lắng và phân huỷ cặn lắng. Cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6-8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Hiệu quả xử lý: Cặn lắng giảm khoảng 40-60%, BOD₅ giảm khoảng 60-65% sau khi qua bể tự hoại. Phần cặn lắng sẽ thuê đơn vị có chức năng đôn hút và chuyển đến nơi xử lý theo quy định.

- Chủ cơ sở đã xây dựng 01 bể tách dầu mỡ (*tại giai đoạn 2, 3*) có kết cấu bằng bê tông, xi măng với thể tích là 13,2m³. Tóm tắt quy trình xử lý như sau: Bể gồm 3 ngăn để chứa, tách dầu và lắng cặn. Nước thải tràn vào ngăn thứ nhất được lưu trong khoảng thời gian nhất định để lắng bớt cặn rắn có trong nước thải, váng dầu trên mặt sẽ tràn vào máng thu dầu. Nước trong theo cửa thoát nước ở thân bể tràn vào ngăn thứ 2, tại đây, váng dầu và dầu mỡ còn sót lại trong nước thải sẽ được tách vào máng thu của ngăn thứ 2 để chảy qua ngăn thứ 3. Quá trình xử lý tại ngăn thứ 3 tương tự như tại ngăn thứ 2.

Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn tại mục 2.3.3 Phần A đầu nối về Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp và Khu phi thuế quan để xử lý đạt quy định trước khi thải ra môi trường./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN,
ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 21 /GPMT-UBND
ngày 13 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Từ các hoạt động của cơ sở (*dây chuyền, máy móc, thiết bị, ...*).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Trong phạm vi hoạt động của cơ sở.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
70	55	Khu vực thông thường	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

3.2. Độ rung

Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	Ghi chú	Tần suất quan trắc định kỳ
70	60	Khu vực thông thường	Quan trắc khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của các cơ quan liên quan có thẩm quyền

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên làm việc tại khu vực sản xuất;

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị; kiểm tra độ mòn chi tiết, tiến hành bảo dưỡng hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời;

- Các máy móc, thiết bị mới, hiện đại, tiên tiến nhằm giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, đảm bảo vận hành, bảo dưỡng thuận tiện;

- Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị rung công suất lớn;

- Trồng cây xanh tạo vành đai cây xanh xung quanh khuôn viên cơ sở.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 21 /GPMT-UBND
ngày 13 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã số CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	49
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	800
3	Cặn sơn, sơn và véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguyên liệu khác trong nguyên liệu sản xuất) thải	Rắn/Lỏng	18 01 01	62
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	20
5	Sáp và mỡ đã qua sử dụng	Rắn	07 03 06	200
6	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	04 02 03	40
7	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	07 03 05	300
8	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	Rắn/Lỏng	16 01 09	30
9	Chất thải lẫn dầu	Rắn/Lỏng	19 07 01	300
10	Ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	20
	Tổng cộng:			1.811

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Nhựa (bavia nhựa)	Rắn	11 02 04	288
2	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	18 01 05	40
3	Bao bì thải bằng vật liệu khác	Rắn	18 01 11	60
Tổng cộng:				388

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 560 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Trang bị khoảng 20 thùng và các bao bì mềm được buộc kín đảm bảo ngăn chất thải bay hơi, rò rỉ;

- Thùng chứa có ký hiệu phân biệt theo các mã CTNH.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Bố trí 02 kho chứa CTNH (*diện tích 24m²/kho*) đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định để lưu chứa CTNH như: có mặt sàn bảo đảm kín khí, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng mưa, hạn chế gió trực tiếp vào bên trong,...;

- Chủ cơ sở đã hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (*theo Hợp đồng số 34/2024/317/GPMT-BTNMT ngày 02/01/2024 với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Huế*).

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Trang bị khoảng 64 thùng (*thể tích 60 lít/thùng*);

- Thùng chứa có ký hiệu phân biệt theo các màu sắc khác nhau và có dán nhãn để thuận tiện cho việc thu gom, phân loại tại nguồn thải.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa

Chủ cơ sở đã hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (*theo Hợp đồng số 08/HĐ-DVTGR/2023 ngày 01/8/2023 với Hợp tác xã Phú Vĩnh*).

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

- Trang bị các bao bì để lưu chứa các loại chất thải rắn sản xuất.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Bố trí 02 kho chứa (*diện tích 200m²/kho*) đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định để lưu chứa CTR sản xuất như: có mái che kín mưa, có cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt, mặt sàn bảo đảm kín, tránh nước mưa từ bên ngoài vào,...

- Chủ cơ sở đã hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (*theo Hợp đồng số 04.HĐDV.XNLC/2024/CTCNTT ngày 02/01/2024 với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Huế*).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố cháy nổ

- Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy, bể bơm nước cứu hỏa;
- Định kỳ tổ chức tập huấn phương án chữa cháy cho CBCNV;
- Định kỳ kiểm tra các thiết bị điện, vận hành máy móc đúng quy trình, các kho chứa nguyên liệu vãi, phế liệu phải thông thoáng, gọn gàng, vệ sinh sạch sẽ;
- Khi có cháy nổ xảy ra, lập tức báo ngay cho lực lượng PCCC để kịp thời ứng cứu.

2. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố tại hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, công nhân kiến thức về phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ khí thải và biện pháp sơ cứu, cấp cứu khi xảy ra sự cố;
- Bố trí cán bộ, công nhân kiểm tra hệ thống lò hơi, đường ống dẫn khí tại mỗi ca làm việc;
- Tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hệ thống lò hơi, đường ống dẫn khí theo định kỳ;
- Có cán bộ, công nhân thường xuyên theo dõi hệ thống để kịp thời phát hiện các sự cố xảy ra như: hỏng hóc máy móc, khí thải xử lý chưa đảm bảo đạt chất lượng theo yêu cầu, ...;
- Khi có sự cố về hệ thống xử lý khí thải, tạm thời dừng hệ thống và dừng các hoạt động sản xuất.

3. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố hoá chất dung môi

- Các dung môi được lưu trữ riêng biệt tại các thùng chứa riêng. Thùng chứa hóa chất dung môi là loại thùng chuyên dụng, có nắp đậy kín và được sắp xếp lưu chứa trong kho chứa hóa chất đảm bảo theo đúng quy định về quản lý hóa chất;
- Sắp xếp các loại hóa chất khác nhau cách ly để phòng ngừa sự cố các loại hóa chất tiếp xúc và phản ứng với nhau;
- Thường xuyên kiểm tra kho chứa hóa chất, thùng chứa hóa chất để kịp

thời phát hiện sự cố rò rỉ, tràn đổ để có biện pháp xử lý;

- Công ty đã ban hành quy định cấm lửa tại khu vực chứa hóa chất, trong phân xưởng sản xuất và yêu cầu cán bộ công nhân viên tuân thủ quy định, trong đó tuyệt đối không hút thuốc, không sử dụng lửa trong khu vực chứa hóa chất, trong khuôn viên nhà xưởng sản xuất./

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 21 /GPMT-UBND
ngày 13 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

1. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và quản lý hóa chất theo quy định hiện hành.
4. Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi cơ sở. Có nhân sự, tổ hoặc đội bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát; có phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; ban hành, niêm yết công khai và tổ chức thực hiện quy định, quy chế về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường nơi công cộng thuộc phạm vi cơ sở.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường*) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Trong quá trình hoạt động, chủ cơ sở phải thực hiện quan trắc đối với bụi, khí thải đã được cấp phép theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.
7. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về thông tin, số liệu trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở. Trong quá trình hoạt động cơ sở, phải thực hiện thủ tục xin cấp đổi, điều chỉnh hoặc cấp lại Giấy phép môi trường nếu thuộc các trường hợp theo quy định tại Điều 44 của Luật Bảo vệ môi trường./.